

NGOẠI NGỮ VỚI BẢN NGỮ

HIỆU QUẢ CỦA DẠY HỌC TIẾNG ANH CHO SINH VIÊN BẠC ĐẠI HỌC KHỎI KHÔNG CHUYÊN NGỮ THEO PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC KẾT HỢP NGUYỄN THỊ KIM LUYẾN* - NGUYỄN THỊ TUYẾT MAI**

TÓM TẮT: “Dạy học kết hợp” là một phương pháp có thể tối ưu hoá được những ưu điểm của phương pháp dạy học truyền thống và tận dụng được những thế mạnh của công nghệ thông tin của phương pháp dạy học trực tuyến. Nghiên cứu này trình bày một số vấn đề lí luận cơ bản về “Dạy học kết hợp”, bao gồm khái niệm, mô hình, mức độ và thực trạng áp dụng “Dạy học kết hợp” trong giảng dạy tiếng Anh cho sinh viên không chuyên ngữ tại Học viện Quân y. Kết quả thực nghiệm cho thấy “Dạy học kết hợp” đã có tác động tích cực đối với động lực, sự hứng thú và sự tự chủ trong việc học tiếng Anh của học viên. Nghiên cứu cũng nhấn mạnh tiềm năng của phương pháp “Dạy học kết hợp” và đưa ra một số giải pháp để nâng cao hiệu quả giảng dạy tiếng Anh tại các trường đại học khối không chuyên ngữ.

TỪ KHOẢ: phương pháp giảng dạy; dạy học kết hợp; dạy học trực tuyến; dạy học trực tiếp; không chuyên ngữ.

NHẬN BÀI: 16/09/2023.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 15/11/2023

1. Đặt vấn đề

“Dạy học kết hợp” (Blended - learning) là một phương pháp dạy học ngày càng được ưa chuộng đặc biệt trong dạy học ngôn ngữ. “Dạy học kết hợp” đã kết hợp ưu điểm của công nghệ thông tin (CNTT) trong giảng dạy trực tuyến và thế mạnh của giảng dạy trực tiếp truyền thống, mang lại môi trường học tập linh hoạt. Học ngoại ngữ nói chung và tiếng Anh nói riêng là quá trình nhận biết các kiến thức và rèn luyện các kĩ năng trong đó kiến thức thì phải học, kĩ năng thì phải rèn. Điều này thật khó có thể thực hiện một cách đầy đủ và hiệu quả trong môi trường lớp học truyền thống hay bằng phương thức E-learning đơn thuần. Chính vì vậy, việc kết hợp giữa hai hình thức dạy học trực tuyến và trực tiếp truyền thống thành một hình thức dạy học mới - dạy học theo hình thức kết hợp (Blended learning) được xem là một giải pháp hữu hiệu và là một trong những mô hình học tập đáng được quan tâm, đặc biệt trong lĩnh vực dạy và học ngoại ngữ. Nhiều nghiên cứu trước đây đã chỉ ra rằng “Dạy học theo hình thức kết hợp” có tiềm năng cải thiện kết quả học tập ngôn ngữ thông qua việc cung cấp nhiều cơ hội hơn để thực hành ngôn ngữ và tương tác với tư liệu thực tế (Chen và Lin, 2017; Chen và Wang, 2020; Al-Mohammed, 2021).

Bài báo này sẽ tập trung vào việc nghiên cứu và phân tích hiệu quả của phương pháp “Dạy học kết hợp” trong việc dạy tiếng Anh ở bậc đại học khối không chuyên ngữ thông qua việc tổng hợp nghiên cứu cũng như tiến hành thực nghiệm phương pháp “*Dạy học kết hợp*” trong giảng dạy tiếng Anh tại Học viện Quân y (HVQY), nhằm cung cấp thêm thông tin về cách phương pháp này có thể đóng góp vào lĩnh vực dạy và học ngoại ngữ.

2. Tổng quát về “Dạy học kết hợp” (Blended-learning)

2.1. “Dạy học kết hợp”

Theo định nghĩa Thông tư số 12/2016/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam, “*Đào tạo kết hợp (Blended learning) là việc kết hợp phương thức học tập điện tử (E-Learning) với phương thức dạy và học truyền thống (theo đó người dạy và người học cùng có mặt) nhằm nâng cao hiệu quả công tác đào tạo và chất lượng giáo dục*”.

Để xác định được mối tương quan giữa dạy học theo hình thức trực tuyến E-learning và dạy học theo hình thức truyền thống (Face to Face) trong dạy học kết hợp, cần phải chú ý đến các dạng thức tiếp cận quá trình học tập của người dạy và người học. Theo Singh (2003), có 3 cách tiếp cận quá

* Học viện Quân y; Email: kimluyenhvqy@gmail.com

** Học viện Quân y; Email: tuyetmai2611@gmail.com

trình học: tiếp cận vật lí (hay là “dạy học trực tiếp/(Face to face”), tiếp cận dạng học tập trực tuyến (E-learning) và tự học. Tác giả Victoria L. Tinio (thành viên của nhóm công tác e-ASEAN và chương trình phát triển thông tin châu Á Thái Bình Dương của UNDP) cho rằng “*Học kết hợp (Blended Learning) để chỉ các mô hình kết hợp giữa hình thức học truyền thống và các giải pháp E-learning*”. Mô hình kết hợp có thể được mô tả như sau.



Hình 1. Sơ đồ mô hình học kết hợp (Nguồn: Kahiigi, E.K., 2008)

Theo mô hình này, người học tham gia vào quá trình học tập bằng hình thức học trực tiếp trên lớp (nhóm, cá nhân, seminar, hội thảo); hình thức học tác qua mạng internet (chat, blog, online, forum) và tự học (trực tuyến/ ngoại tuyến, độc lập về không gian).

Như vậy, “Dạy học kết hợp” (Blended Learning) được hiểu là hình thức đào tạo kết hợp bằng cách kết nối giữa hình thức đào tạo trực tuyến sử dụng các nền tảng công nghệ và hình thức học tập truyền thống trên lớp, qua đó việc học trên lớp và việc học trực tuyến được tiến hành trong sự kết hợp và hỗ trợ cho nhau. “Dạy học kết hợp” được cho là một phương pháp có thể tối ưu hoá” được những ưu điểm của phương pháp dạy học truyền thống và tận dụng được những thế mạnh của CNTT của phương pháp dạy học trực tuyến.

2.2. Mức độ tổ chức “Dạy-học theo hình thức kết hợp”

Mô hình “Dạy học theo hình thức kết hợp” là mô hình kết hợp giữa phương thức dạy học truyền thống trên lớp và dạy học trực tuyến. Tùy thuộc vào nhu cầu, cơ sở vật chất, chương trình đào tạo, trình độ tin học và sử dụng máy tính của người dạy và người học, mô hình dạy học kết hợp có thể được tổ chức theo ba mức độ dạy học như sau (Bảng 1).

Bảng 1. Các mức độ tổ chức “Dạy học theo hình thức kết hợp”

(Nguồn: Alammary và cộng sự, 2014)

Yêu cầu	Mức độ 1	Mức độ 2	Mức độ 3
Hình thức dạy học trực tiếp (F2F)	Đóng vai trò chủ đạo	Là những hoạt động thực hành, trải nghiệm, thảo luận, giải đáp thắc mắc.	Triển khai mức độ 2 một cách có hệ thống gồm cả kiểm tra, đánh giá theo chuẩn đầu ra của toàn khoá học, nhưng lớp học trực tiếp vẫn sẽ được duy trì để giải đáp thắc mắc của người học.
Hình thức dạy học trực tuyến (E-learning)	Lồng ghép dưới dạng các nhiệm vụ học tập qua web, tự học qua internet theo hướng dẫn.	Tập trung vào quá trình tự học, tìm hiểu nội dung tự học, kiểm tra, đánh giá, thảo luận trên lớp học ảo...	

Trong triển khai hình thức dạy học kết hợp, giáo viên có thể thực hiện theo ba mức độ khác nhau.

Để triển khai dạy học kết hợp ở mức độ 1, giáo viên đóng vai trò chủ đạo, chủ động trong việc thiết kế hoạt động dạy học dưới dạng lồng ghép các hoạt động ứng dụng CNTT với các nhiệm vụ học tập có tính tìm tòi, sáng tạo. Các hoạt động ứng dụng CNTT có thể là thảo luận trên các forum khi

thực hiện các nhiệm vụ học tập theo nhóm, giao tài liệu học tập dưới dạng điện tử, đường link website để người học tự tìm hiểu trước khi đến lớp.

Đối với mức độ 2, cần có các hoạt động dạy học E-learning. Cụ thể, giáo viên cần thiết kế lại và thay thế một số các hoạt động dạy học trực tiếp bằng các hoạt động học tập trực tuyến. Để làm được điều này, người GV phải xác định được những hoạt động dạy học truyền thống nào phù hợp với việc học tập trực tuyến bên cạnh việc kết hợp linh hoạt các phương pháp dạy học khác nhau như lớp học đảo ngược, dạy học dự án,...

Đối với mức độ 3, dạy học kết hợp được triển khai một cách có hệ thống và hoàn chỉnh nhất. Theo Walters (2008), việc thiết kế khóa học “Dạy học theo hình thức kết hợp” cần bám sát theo chuẩn đầu ra và kết quả học tập dự kiến của người học. Để thiết kế khóa học ở mức độ 3, khóa học cần được thiết kế mới ngay từ đầu theo “Dạy học theo hình thức kết hợp”. Walters (2008) cho rằng, để thiết kế được khóa học “Dạy học theo hình thức kết hợp” hiệu quả, đòi hỏi người giáo viên cần có kinh nghiệm chuyên môn vững vàng và kỹ năng phối kết hợp các công cụ dạy học trực tuyến thật tốt nhằm đảm bảo chất lượng của khóa học.

2.3. Một số mô hình “Dạy học kết hợp”

Với thực trạng hầu hết các lớp học ngoại ngữ đều có sự khác biệt về trình độ, khả năng ngôn ngữ và sở thích học tập của người học thì sự kết hợp độc đáo giữa dạy học truyền thống và ứng dụng công nghệ của hình thức giảng dạy kết hợp “Dạy học kết hợp” là một trong những giải pháp hiệu quả cho giáo viên trong quản lý dạy và học. Lợi ích của mô hình dạy học kết hợp nằm ở tính linh hoạt của quá trình dạy-học, khả năng cung cấp kiến thức hiệu quả và nhanh chóng... Có rất nhiều cách dạy-học kết hợp để người GV lựa chọn, song cơ bản có 6 mô hình dạy học kết hợp được Heather Staker và Michael B. Horn (2012) tổng hợp và phân loại các đặc điểm và khả năng áp dụng của 6 mô hình dạy học kết hợp (xem Bảng 2):

Bảng 2. Các mô hình dạy học kết hợp (Nguồn: Heather Staker và Michael B. Horn (2012))

Mô hình	Đặc trưng	Khả năng ứng dụng
Mô hình luân chuyển (Rotation model)	Mô hình học tập được thiết kế bao gồm lịch học trực tiếp và trực tuyến xen kẽ nhau, mỗi nhóm người học sẽ có lịch trình khác nhau.	Môi trường học tập linh hoạt. Giáo viên có thể hỗ trợ nhiều hơn dựa trên nhu cầu của từng người học.
Mô hình linh hoạt (Flex model)	Người học chủ yếu học tập trực tuyến. GV chỉ đóng vai trò là người định hướng, tư vấn và giải đáp thắc mắc của người học trong các giờ gặp trực tiếp trên lớp học.	Phát huy tối đa tính độc lập, làm việc nhóm và tương tác của người học.
Mô hình trực tiếp chủ đạo (The Face-To-Face Drive Model)	Mô hình lớp học truyền thống đóng vai trò chủ đạo. GV chỉ ứng dụng công nghệ vào các hoạt động giảng dạy thông thường tại lớp.	Phù hợp với những lớp học đa dạng, có sự chênh lệch về khả năng cũng như trình độ hiểu biết vì GV sẽ dẫn dắt và theo dõi từng HV, hỗ trợ các HV yếu để có thể theo kịp bài giảng.
Mô hình lớp học ảo (Lab model)	Cho phép người học học tập trực tuyến trong suốt thời gian khóa học tại những phòng máy tính chuyên dụng. Toàn bộ quá trình học tập được quản lý trực tiếp.	Phù hợp với những HV không sở hữu thiết bị điện tử đủ yêu cầu để học trực tuyến hoặc cần thêm người giám sát trong quá trình học.
Mô hình tự chọn (Self-Blend model)	Cho phép người học tham gia vào các khóa học trực tuyến nằm ngoài chương trình học chính thống dựa trên nhu cầu của từng cá nhân.	Phù hợp người học có nhu cầu học tập đa dạng: nâng cao trình độ, rèn luyện kỹ năng cá nhân.
Mô hình trực tuyến chủ đạo (Online Driver model)	HV tham gia quá trình học tập thông qua một nền tảng quản lý trực tuyến. Các tương tác với GV như nhận hướng dẫn, tài liệu cũng được thực hiện trực tuyến.	Phù hợp với người học cần sự linh hoạt trong lịch trình hoạt động hàng ngày, trong hoàn cảnh người học không thể đến trường học.

Các mô hình giảng dạy kết hợp này được phân chia một cách linh hoạt, tương đối và chúng không loại trừ nhau. “Dạy học kết hợp” luôn có sự pha trộn giữa phương thức trực tuyến và phương thức trực tiếp ở các mức độ khác nhau; hoàn toàn linh động cho người học trong một môi trường “lớp học không tường” - không giới hạn về không gian, thời gian tùy vào sự hứng thú, nhu cầu và điều kiện của người học; và mang lại khả năng tương tác rất đa dạng cho người học với nhiều nguồn học liệu khác nhau dưới nhiều hình thức khác nhau như tranh ảnh, video, sơ đồ, văn bản,... và tương tác với những đối tượng khác nhau như với bạn cùng lớp, bạn khác lớp, với giáo viên, với các đối tượng bên ngoài lớp học,...

Việc sử dụng các phương pháp dạy học tích cực đặc biệt đối với việc áp dụng phương pháp dạy học kết hợp thì ngoài yếu tố con người còn phải đáp ứng được các yêu cầu về cơ sở vật chất như: kết nối Internet, phòng máy tính, máy chiếu, máy in, phòng đa phương tiện (multimedia), nền tảng hỗ trợ quản lý học tập trực tuyến E-learning, các phần mềm dạy học, v.v. Phòng học cần trang bị máy tính, máy chiếu và một hệ thống mạng Internet hoạt động ổn định. Đối với việc triển khai dạy học trực tuyến, cần có một nền tảng hỗ trợ quản lý học tập (Learning Management System - LMS).

Ngoài ra, dạy học kết hợp làm thay đổi cấu trúc quá trình dạy học theo hướng cá nhân hóa người học: chương trình linh hoạt, dễ cập nhật, điều chỉnh, đáp ứng tối đa nhu cầu và phong cách học tập của người học. Chính vì vậy, vai trò của người GV và sự chủ động, tích cực trong học tập của người học luôn vô cùng quan trọng. Đối với phương pháp dạy học kết hợp, GV cần phải biết sử dụng các công nghệ hiện đại phục vụ cho việc dạy học, biết lựa chọn các tài nguyên phù hợp cho các đối tượng HV khác nhau, biết thiết kế, lựa chọn các hình thức kiểm tra đánh giá phù hợp để giúp người học không chỉ thu nạp, ghi nhớ thông tin mà còn phải biết cách phân tích, tổng hợp, xử lý thông tin một cách hiệu quả.

Chính vì thế, việc lựa chọn mô hình dạy học kết hợp nào để mang lại hiệu quả và thành công cho quá trình dạy học phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác nhau như: cơ sở vật chất, điều kiện của trường học, đặc thù bài học và chương trình học, phụ thuộc vào năng lực, nhu cầu và điều kiện cá nhân của người học, trong đó giáo viên cần biết được những gì mà người học cần và những gì dạy học kết hợp có thể cung cấp bên cạnh yếu tố công nghệ. Như vậy, khi triển khai dạy học, từng cơ sở giáo dục/từng giáo viên có thể lựa chọn một hay một số mô hình tùy theo chiến lược/ kế hoạch và điều kiện thực tế.

3. Kết quả và thảo luận

3.1. Thực nghiệm áp dụng phương pháp “dạy học kết hợp” trong giảng dạy tiếng Anh tại Học viện Quân y

3.1.1. Khả năng đáp ứng về cơ sở vật chất

Về cơ sở hạ tầng công nghệ, Học viện Quân y đã có thể đáp ứng ở mức độ cơ bản với hệ thống phòng học được trang bị máy tính, máy chiếu, phòng máy tính, phòng đa phương tiện (*multimedia*) có kết nối mạng Internet, nền tảng hỗ trợ quản lý học tập trực tuyến E-learning. Thêm vào đó, HVQY hiện đang sở hữu một đội ngũ cán bộ trẻ đầy nhiệt huyết và năng lực, đối tượng người học là các sinh viên đang ở độ tuổi “vàng”, là những người dễ dàng tiếp cận với công nghệ thông tin và truyền thông.

3.1.2. Tổ chức dạy tiếng Anh theo phương pháp dạy học kết hợp tại HVQY

Việc áp dụng các mô hình và cấp độ của hình thức dạy học kết hợp của *Heather Staker* và *Michael B. Horn* (2012) trong các buổi học tiếng Anh tại HVQY được thực hiện một cách linh hoạt, dựa trên nội dung và đặc điểm của từng bài học. Với thời lượng 180 phút (4 tiết)/buổi dạy, việc lựa chọn mô hình dạy học kết hợp phù hợp mang lại hiệu quả được dựa vào nội dung và đặc thù của bài học đó.

Dưới đây là minh họa một buổi dạy có áp dụng *Mô hình luân chuyển (Rotation model)*. Trong đó, các phương pháp dạy học theo mô hình trạm (*Station Rotation*) và lớp học đảo ngược (*Flipped classroom*) được sử dụng.

- Tên bài học: Unit 6 “Work”, giáo trình *Bridge to IELTS*, trình độ Pre-intermediate - Intermediate
- Các mục tiêu học tập:

+ Về kiến thức, tóm tắt được nội dung 03 chủ đề chính của bài đọc và bài nghe liên quan tới các Hoạt động tình nguyện tại trung tâm đón tiếp sinh viên (Volunteer in the Student Welcome Centre) bao gồm: các yêu cầu chung, hoạt động và lợi ích đạt được khi tham gia hoạt động tình nguyện; viết đúng chính tả và sử dụng chính xác các kết hợp ngữ (collocations) cơ bản trong miêu tả các yêu cầu chung để trở thành tình nguyện viên (like helping people; be confident and friendly, be hardworking...), các hoạt động tình nguyện được thực hiện tại trung tâm (give information, give advice to new students...), và lợi ích đạt được khi tham gia hoạt động tình nguyện (get work experience, learn new skills, ...etc.).

+ Về kỹ năng, thực hành tốt kỹ năng đọc và nghe lướt, đọc và nghe kỹ (skimming and scanning) để thực hiện đúng các yêu cầu cụ thể của từng hoạt động ngôn ngữ theo nhóm, cặp trong toàn buổi học như: Naming activities, Finding the key themes, Matching phrases with the key themes, Making presentation, MCQs, và Yes/No; phát âm chính xác và vận dụng đúng các kết hợp ngữ (collocations) trong bài học để tự tin thực hiện kỹ năng thuyết trình về chủ đề: *Miêu tả một hoạt động đã làm để giúp đỡ sinh viên mới tại Học viện Quân y.* (3) Về thái độ, HV Nâng cao ý thức trách nhiệm với cộng đồng và tích cực tham gia các hoạt động tình nguyện phù hợp; hứng thú và tự tin sử dụng 100% tiếng Anh trong giờ học.

Trong bài giảng minh họa trong nghiên cứu này, mô hình Luân chuyển (Rotation model) được lựa chọn, bởi nó phù hợp với nội dung, đặc điểm và mục tiêu của bài học. Mô hình Luân chuyển tạo điều kiện cho việc học cá nhân, tương tác tích cực và phát triển kỹ năng khi sinh viên luân chuyển qua các trạm khác nhau để nâng cao hiểu biết về các các hoạt động tình nguyện. Phương pháp này tối ưu hóa thời gian học, khuyến khích sử dụng tiếng Anh và ủng hộ các hoạt động tương tác trong tình huống giao tiếp. Mô hình Luân chuyển cho phép phân bổ nội dung học tập cần thiết ở mức *ghi nhớ, thông hiểu và vận dụng* theo thang Bloom để sinh viên tự học tại nhà trước khi đến lớp. Thời gian trên lớp học dành cho những nội dung học tập đòi hỏi ở mức độ cao như *phân tích, đánh giá và sáng tạo* khi sinh viên có thể dễ dàng có được sự trợ giúp từ giáo viên và bạn bè. Theo nghiên cứu của Tucker (2015), mô hình Luân chuyển đã được chứng minh là hiệu quả trong việc thúc đẩy sự tham gia của sinh viên, cải thiện thành tích học tập và nâng cao sự hài lòng của giáo viên. Hơn nữa, nghiên cứu của Clayton và cộng sự (2016) cho thấy mô hình Luân chuyển cung cấp cho sinh viên tính linh hoạt để học theo tốc độ riêng của họ, trong khi vẫn nhận được sự hỗ trợ từ bạn bè và giáo viên.

Việc phân bổ nội dung học tập cho một buổi dạy học dựa trên thang Bloom được miêu tả cụ thể như sau. Phần kiến thức trong bài học được giáo viên chia thành hai phần để học sinh hoàn thành ở nhà và trên lớp học. Trên lớp, học sinh được chia thành ba nhóm làm việc tại ba trạm khác nhau bao gồm Trạm học trực tuyến, Trạm học trực tiếp và Trạm học có giáo viên hướng dẫn. Nội dung học tập được giao trong các hoạt động tại lớp học trực tiếp được xoay vòng theo mô hình luân phiên để mỗi nhóm học sinh hoàn thành. Tiến trình học tập cụ thể của bài giảng minh họa được trình bày trong Bảng 3 dưới đây:

Bảng 3. Mô tả tiến trình 1 buổi dạy theo hình thức dạy học kết hợp

Học trực tuyến (trước khi đến lớp)
- Tìm hiểu về danh động từ (gerund) và các hoạt động tình nguyện. Thực hiện các nhiệm vụ học tập: + GV cung cấp cho học viên bài giảng, 1 đoạn video về các hoạt động tình nguyện và tài liệu học tập + Yêu cầu: HV cần liệt kê được các hoạt động tình nguyện được đề cập trong đoạn phim ngắn ở dạng V-ing, nắm bắt được cách sử dụng các danh động từ (gerund), ý nghĩa của gerund và cách ứng dụng vào làm các bài tập NP và trong các tình huống thực tế.
Trên lớp - Học tập theo trạm
<i>*Trạm - học trực tuyến</i>
HV đọc và nghiên cứu bài đọc do GV cung cấp và trả lời các câu hỏi sau: 1. Finding key themes What key themes are presented in the text? A. Benefits & Activities B. Requirements, Activities & Benefits

C. Activities & Requirements
D. Requirements & Benefits

2. Matching phrases with key themes

A. Get work experience
B. Give information
C. Be confident, hardworking and friendly
D. Want to share
E. Give advice
F. Develop skills
G. Like helping people
H. Make friends
I. Share experience
L. Can spare a few hours a week

Match the given verb phrases with the right key themes

VOLUNTEER IN THE STUDENT WELCOME CENTRE!

1. REQUIREMENTS

2. ACTIVITIES

3. BENEFITS

***Tram - thảo luận**

HV thảo luận về các nhiệm vụ học tập của chủ đề, hoàn thành các nhiệm vụ học tập.

***Tram - giảng viên hướng dẫn**

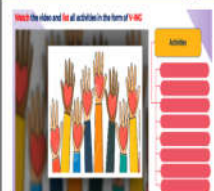
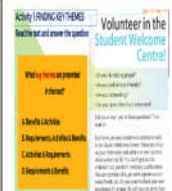
GV giải đáp thắc mắc của học viên, gợi mở một số tình huống thực tiễn và chốt kiến thức như:

+ Lí do và cách sử dụng gerund.

+ Hướng dẫn cụ thể trong việc luyện phát âm một số từ vựng có trong bài học, kết hợp thực hành một số bài luyện tập thêm về sử dụng gerund.

Các hoạt động cụ thể tại mỗi trạm được trình bày trong bảng bên dưới (xem Bảng 4). Mỗi nhóm học sinh sẽ chuyển đến trạm tiếp theo sau khi hoàn thành nhiệm vụ được giao tại trạm trước đó.

Bảng 4. Các hoạt động tại các trạm khác nhau của buổi dạy minh họa

Các HĐ trực tuyến (Trước khi đến lớp)	Trạm học trực tuyến (Trên lớp)	Trạm thảo luận (Trên lớp)	Trạm GV hướng dẫn (Trên lớp)
			

Thông thường, đối với một lớp học có ít hơn 30 sinh viên, giáo viên sẽ chia lớp thành 3 nhóm. Còn đối với lớp học có hơn 30 sinh viên, lớp sẽ được chia thành 4-6 nhóm. Trong đó, có 2 nhóm thực hiện quá trình học tập giống nhau, xen kẽ nhau thực hiện nhiệm vụ tại hai trạm - trạm học trực tuyến và trạm thảo luận. Sau khi tất cả các nhóm hoàn thành nhiệm vụ tại các trạm, giáo viên sẽ tiếp tục phối hợp bài giảng bằng cách trả lời câu hỏi, thảo luận và trao đổi với sinh viên, và kết thúc bài giảng. Lưu ý rằng, trong thời gian các nhóm thực hiện nhiệm vụ tại 3 trạm song song, giáo viên đóng vai trò giám sát, hỗ trợ và giúp đỡ các nhóm. Để thực hiện hình thức dạy học này, cần phải có giáo viên có kỹ năng cơ bản trong việc sử dụng công nghệ thông tin và có kinh nghiệm trong việc giảng dạy E-learning. Dạy học kết hợp trong trường hợp này phù hợp để triển khai ở mức độ 2 (Bảng 1).

3.2. Thảo luận: đánh giá phương pháp “Dạy học kết hợp” trong giảng dạy ngoại ngữ

Đổi mới giáo dục đã dẫn thay đổi cách tiếp cận người học theo hướng “trực tuyến hóa” nhằm giúp người học có thể học ở mọi lúc mọi nơi. Mọi phương pháp cải tiến áp dụng đều không thể chỉ mang lại hiệu quả mà không để lại những điều bất lợi. Hiệu quả của việc áp dụng phương pháp “Dạy học kết hợp” trong giảng dạy tiếng Anh cho sinh viên bậc đại học khối không chuyên ngữ đề cập đến ba đối tượng chính tham gia trực tiếp trong mô hình dạy học kết hợp, bao gồm: nhà trường, người dạy và người học.

- Về phía nhà trường:

+ “*Dạy học kết hợp*” có thể giúp đáp ứng yêu cầu của hình thức đào tạo theo tín chỉ do hình thức này giúp giảm thời lượng lên lớp. Công tác đánh giá nhiệm vụ học tập khách quan hơn do tích hợp trải nghiệm thực tuyến và đánh giá đồng đẳng,...

+ Mô hình “*Dạy học kết hợp*” mang đến lợi ích cho nhà trường trong việc giảm áp lực về hệ thống phòng học, giảm bớt chi phí cố định trong khâu đào tạo trực tiếp như: điện, nước, vệ sinh,... do giảm thời lượng người học tham gia học tập trực tiếp tại trường.

+ “*Dạy học kết hợp*” cũng giúp nhà trường giảm chi phí cho nguồn nhân lực, giảm bớt số lượng phòng học. Mặc dù không gian trường học có thể bị thu hẹp nhưng môi trường học tập lại được mở rộng không khoảng cách và không giới hạn.

+ “*Dạy học kết hợp*” còn là công cụ giúp nhà trường kiểm duyệt nội dung giảng dạy, quản lý GV, thông tin hoạt động của nhà trường, thông tin 2 chiều đến người học, thông tin về HV như điểm số môn học, điểm trung bình năm học, xếp loại, đánh giá, khen thưởng, kỉ luật, điểm danh, quản lý diễn đàn trao đổi thông tin nội bộ giữa nhà trường với GV và nhà trường với HV, tư vấn cho HV những vấn đề khó khăn trong học tập qua mạng.

- Về phía người dạy:

+ “*Dạy học kết hợp*” giúp làm giảm thời lượng giảng dạy trực tiếp trên lớp nhưng lại đòi hỏi người giảng viên phải thay đổi lớn, có thể là toàn bộ kế hoạch bài học để đạt hiệu quả cao nhất. Trong Blended-learning, bản thân học viên cũng sẽ tích cực tương tác, tranh luận với giảng viên và thành viên khác. Điều này về cơ bản sẽ tạo động lực để giảng viên đổi mới phương pháp dạy học không ngừng cũng như trách nhiệm hỗ trợ học viên.

+ Sự hỗ trợ của công nghệ còn giúp giảng viên tăng khả năng quản lý hoạt động học của học viên, tăng thời lượng giúp học viên cá nhân hóa việc học thay vì phải quản lý cả lớp học theo hình thức trực tiếp truyền thống trong một thời gian dài. Ở không gian học tập trực tuyến, giáo viên đóng vai trò hướng dẫn, giúp đỡ nếu học viên gặp phải vấn đề trong học tập. Tại không gian lớp học truyền thống, giáo viên sử dụng tài liệu dạy học trực tuyến để củng cố, nâng cao kiến thức cho học viên. Thay vì phải trình bày nhiều lần cho nhiều lớp học khác nhau, với phương pháp “*Dạy học kết hợp*” người giảng viên chỉ cần cung cấp một bài giảng trực tuyến cho tất cả các học viên của toàn khóa học giúp khối lượng công việc của giảng viên được giảm đi rõ rệt.

+ “*Dạy học kết hợp*” giúp người giảng viên quản lý được việc tự nghiên cứu tài liệu của người học nhờ vào việc các phần mềm lưu lại số lượt xem tài liệu, thời gian xem video, nộp bài theo lịch, kiểm đếm số lượng, đặt câu hỏi để người học tự nghiên cứu hiệu quả hơn và giao nhiệm vụ học tập cho học viên hoàn toàn tự động.

+ Phương pháp “*Dạy học kết hợp*” bước đầu như một thử thách đối với người giảng viên. Nhưng đổi lại, đó cũng là một cơ hội làm tăng khả năng sử dụng công nghệ và thúc đẩy người GV phải tích cực nghiên cứu các tài liệu liên quan, tham gia những lớp bồi dưỡng hay học hỏi từ người có chuyên môn.

- Về phía người học:

+ “*Dạy học kết hợp*” kết hợp nhiều yêu cầu học tập tại lớp, học trực tuyến và tự học cá nhân. Vì vậy, học viên sẽ có nhiều cơ hội tiếp xúc với kiến thức của môn học. Mỗi học sinh khi tham gia các khóa học dạng này buộc phải tích cực, tự giác hoàn thành các nhiệm vụ học tập. Bài tập của học viên có thể được chia sẻ công khai để bạn cùng lớp thực hiện việc đánh giá đồng đẳng và học hỏi lẫn nhau. Điều này càng thúc đẩy học viên phải nghiêm túc hơn khi thực hiện bài tập cá nhân/ nhóm.

+ Một ưu điểm dễ nhận thấy trong “*Dạy học kết hợp*” là phương pháp này tạo cơ hội để người học làm chủ quá trình học tập của mình. Người học có thể tự chủ động về không gian học, thời gian học, nội dung học dựa trên năng lực học của bản thân, điều này đáp ứng được mong muốn có được tính chủ động, linh hoạt trong lịch học. Trong hệ thống học tập trực tuyến, các văn bản, video bài giảng, tài nguyên khác đã được đăng tải sẵn, học viên tùy thuộc vào điều kiện của bản thân để xác định thời gian biểu tự học sao cho đáp ứng được yêu cầu của học phần.

+ Hơn nữa, “*Dạy học kết hợp*” còn tạo ra môi trường tương tác cho người học, giúp người học tích cực và chủ động hơn trong học tập thông qua việc trao đổi, học hỏi lẫn nhau giúp phát triển kỹ năng mềm cho người học như kỹ năng giao tiếp, kỹ năng tư duy phản biện nhờ vào các hoạt động thảo luận tại lớp, kỹ năng làm việc nhóm thông qua việc tham gia các nhiệm vụ, dự án theo nhóm, kỹ năng quản lý thời gian nhờ thường xuyên phải điều tiết tiến độ hoàn thành các nhiệm vụ học tập, kỹ năng lập kế hoạch, lắng nghe...

+ Khi được học bằng phương pháp “*Dạy học kết hợp*”, ngoài đọc tài liệu, xem trước bài giảng ở nhà, người học còn có nhiều cơ hội thảo luận về bài học tại lớp, trực tuyến và thực hành. Nếu so sánh với các khóa học trực tuyến hoàn toàn hoặc trực tiếp hoàn toàn thì “*Dạy học kết hợp*” rõ ràng sẽ giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức một cách chắc chắn hơn. Khi gặp phải những khó khăn học tập, họ còn nhận được hỗ trợ thường xuyên từ giảng viên và bạn bè của mình.

3.3. Đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả giảng dạy ngoại ngữ tại các trường đại học khối không chuyên

- *Phát triển chương trình học linh hoạt*: Xây dựng chương trình học đa dạng và linh hoạt để đáp ứng nhu cầu đa dạng của sinh viên. Chương trình học này nên bao gồm nhiều loại hoạt động như thảo luận, bài giảng, dự án nhóm, thực tế và học qua trải nghiệm thực tế. Điều này giúp sinh viên phát triển kỹ năng tiếng Anh trong nhiều tình huống khác nhau và chuẩn bị họ cho thế giới thực.

- *Sử dụng công nghệ thông tin*: Tận dụng các công nghệ tiên tiến để cung cấp tài liệu học tập trực tuyến, các ứng dụng học tập, và nền tảng học trực tuyến. Công nghệ cung cấp cơ hội cho sinh viên tự học và tương tác với kiến thức tiếng Anh một cách trực quan và thú vị.

- *Đào tạo và phát triển giảng viên*: Đảm bảo rằng giảng viên tiếng Anh có trình độ chuyên môn và kỹ năng giảng dạy tốt. Cung cấp cho họ khóa đào tạo liên quan đến việc sử dụng phương pháp giảng dạy hiện đại và công nghệ trong việc dạy học.

- *Chương trình học tùy chỉnh*: Cho phép sinh viên lựa chọn các môn học phù hợp với mục tiêu học tập và ngành học của họ. Tạo ra môi trường học tập cá nhân hóa để người học có thể theo đuổi những lĩnh vực tiếng Anh mà họ quan tâm.

- *Thực hành tiếng Anh trong ngữ cảnh thực tế*: Tạo cơ hội cho sinh viên tham gia vào các hoạt động ngoại khóa và giao tiếp hàng ngày bằng tiếng Anh. Tham gia vào các sự kiện, câu lạc bộ, hoặc dự án xã hội sẽ giúp người học áp dụng kiến thức tiếng Anh trong ngữ cảnh thực tế.

- *Tạo môi trường học tập tích cực*: Khuyến khích sự tham gia tích cực của sinh viên thông qua các phương pháp giảng dạy thú vị như trò chơi, thực hành thực tế, và thảo luận nhóm. Tạo môi trường học tập thoải mái và đảm bảo sự hỗ trợ cho tất cả sinh viên.

- *Hỗ trợ học tập*: Cung cấp dịch vụ hỗ trợ học tập như trung tâm viết luận và tư vấn cá nhân để giúp sinh viên vượt qua khó khăn trong việc học tiếng Anh. Hỗ trợ tư vấn cũng có thể giúp sinh viên xác định các mục tiêu học tập và lập kế hoạch.

- *Tạo nhận thức về văn hóa*: Đảm bảo rằng sinh viên có cơ hội học về văn hóa và đa dạng ngôn ngữ để nâng cao sự hiểu biết và tôn trọng đối với các nền văn hóa khác nhau. Các hoạt động và khóa học về văn hóa có thể giúp sinh viên trở nên nhạy bén hơn trong việc tương tác với người nói tiếng Anh.

Những giải pháp này có thể được vận dụng linh hoạt sao cho phù hợp với tình hình cụ thể của từng trường học. Khi kết hợp, chúng có thể giúp tăng cường hiệu quả giảng dạy tiếng Anh và tạo ra môi trường học tập đa dạng và thú vị cho người học.

4. Kết luận

Dạy học kết hợp không phải là mô hình dạy học mới nhưng là một xu thế dạy học mới trong các nhà trường hiện nay. Việc kết hợp linh hoạt giữa hình thức dạy học trực tuyến và dạy học truyền thống với những tỉ lệ phù hợp sẽ giúp phân hóa trình độ HV, cá nhân hóa việc học giúp HV làm chủ kiến thức nhờ vào việc khai thác được những ưu thế của cả hai hình thức học tập trực tiếp truyền thống và học tập trực tuyến. Theo đó, dạy học theo hình thức kết hợp không phải là sự bổ sung, bù đắp cho các nhược điểm của dạy học trực tuyến hay dạy học trực tiếp, mà là sự kết hợp hài hòa nhằm tạo ra một môi trường học tập mở, không giới hạn về không gian và thời gian. Dạy học kết hợp tạo cơ hội cho sự thay đổi nhận thức về vai trò của người dạy và người học, về phương thức, công cụ kiểm tra đánh giá. Cùng

với sự phát triển của công nghệ và xu thế hội nhập với nền giáo dục thế giới, với khả năng linh hoạt, tương tác, tự học và hiệu quả, dạy-học theo hình thức kết hợp góp phần đổi mới phương pháp dạy học, cải tiến và nâng cao tính tích cực về chất lượng đào tạo toàn diện. Tuy nhiên, khả năng khai thác và ứng dụng của “*Dạy học kết hợp*” trong dạy học tùy thuộc rất nhiều vào yếu tố con người và cơ sở vật chất của cơ sở đào tạo. Do đó, vẫn cần được tiếp tục nghiên cứu và áp dụng rộng rãi để có thể đưa ra kết luận mang tính khoa học về sự phù hợp của phương pháp này đối với đào tạo ngoại ngữ tại các trường đại học khối không chuyên ngữ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Alammary, A., Sheard, J., & Carbone, A. (2014), Blended learning in higher education: Three different design approaches. *Australasian Journal of Education Technology*, 30(4), 440-454. DOI: <https://doi.org/>
2. Abdurrahman, A., & Zainuddin, A. (2020), The effectiveness of Blended-learning in English language teaching: A systematic review. *Journal of Language and Linguistic Studies*, 16(2), 564-584. <https://www.jlls.org/index.php/jlls/article/view/910>
3. Al-Mohammed, M. I. (2021), The impact of Blended-learning on English language achievement and attitudes towards learning among Saudi female students. *Education Sciences*, 11(1), 1-13. <https://doi.org/10.3390/educsci11010013>
4. Chen, W., & Wang, Q. (2020), Blended-learning in English language teaching: A meta-analysis. *Journal of Educational Technology & Society*, 23(4), 91-103. https://www.j-ets.net/ETS/journals/23_4/7.pdf
5. Alfred P. Rovai, Hope Jordan (2004), *Blended learning and sense of community: A comparative analysis with traditional and fully online graduate courses*. The International Review of Research in Open and Distance Learning. Vol. 5(2). p. 1- 13.
5. Kahiigi, E. K., Ekenberg L., Hansson, H., Tusubira, F. F., & Danielson, M. (2008), Exploring the e-learning state of art.. *The Electronic Journal of E-learning*, 6(2), 77-88.
6. Liu, M. (2019), A study on the effect of Blended-learning model on non-English major students' English vocabulary acquisition. *Journal of Language Teaching and Research*, 10(2), 346-354. <https://doi.org/10.17507/jltr.1002.15>
7. Michael B. Horn, Heather Staker (2014), *Blended: Using disruptive innivation to improve schools*. Jossey – Bass.
8. O'Gorman, J. (2021), The impact of Blended-learning on the English language proficiency of tertiary-level EFL learners in Japan. *Journal of Language Teaching and Research*, 12(3), 567-582. 10. Victoria L. Tinio, ICT in Education. <http://www.apdip.net/publications/iespprimers/eprimer-edu.pdf>.
9. Walters, B., (2008). Blended learning-classroom with on-line. The CALSCA Online Magazine.
10. Victoria L. Tinio, ICT in Education <http://www.apdip.net/publications/iespprimers/eprimer-edu.pdf>.

Effectiveness of blended-learning approach in teaching English to non-linguistic students at university

Abstract: Blended learning is considered a method that can optimize the advantages of traditional teaching and leverage the strengths of Information and Communication Technology (ICT) in online learning. This research presents fundamental theoretical aspects of blended learning, including its concepts, models, levels, and the current application status in English teaching to non-linguistic students at Vietnam Military Medical University. The experimental results indicate that blended learning has had a positive impact on students' motivation, interest, and autonomy in learning English. The study also emphasizes the potential of blended learning and offers solutions to enhance the effectiveness of English teaching at non-linguistic universities.

Key words: teaching methods; blended-learning; online learning; face-to-face learning; non-linguistic.